

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

* * *

HỢP ĐỒNG SỬ DỤNG THẺ GHI NỢ QUỐC TẾ

Số:.....

Hôm nay, ngày/...../..... tại, các Bên gồm:

BÊN A: Công ty

- Địa chỉ trụ sở:
- ĐKKD/Giấy chứng nhận đầu tư số:do Số KH&ĐT..... cấp lần đầu ngày/...../..... đăng ký bổ sung lần.....vào ngày...../...../.....(ghi lần đăng ký bổ sung mới nhất, nếu chưa đăng ký bổ sung lần nào thì bỏ nội dung này).
- Điện thoại:.....Fax:.....
- Đại diện theo pháp luật: Ông/Bà.....Chức vụ:.....

Sau đây gọi là **Doanh nghiệp**

BÊN B: NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG (VPBANK) – SỞ GIAO DỊCH/CHI NHÁNH/PHÒNG GIAO DỊCH

- Địa chỉ trụ sở:.....
- Điện thoại:.....Fax:.....
- Đại diện: Ông/bà..... Chức vụ:..... theo Văn bản ủy quyền số ngày/...../..... của

Sau đây gọi là **Ngân hàng**

Hai bên thỏa thuận và nhất trí ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ ghi nợ quốc tế (“Hợp đồng”) này với các điều kiện, điều khoản như sau:

Điều 1. Giải thích từ ngữ

Trong Hợp đồng này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Thẻ ghi nợ quốc tế/Thẻ ghi nợ/Thẻ:** Là Thẻ ghi nợ MasterCard do Ngân hàng phát hành cho Doanh nghiệp theo đề nghị của Doanh nghiệp tại Giấy đề nghị phát hành thẻ ghi nợ quốc tế (dành cho khách hàng doanh nghiệp) ngày tháng năm, (Giấy đề nghị phát hành thẻ ghi nợ quốc tế), cho phép Chủ thẻ thực hiện giao dịch trong phạm vi số tiền trên tài khoản tiền gửi thanh toán VND (không kỳ hạn) của Doanh nghiệp tại VPBank và không vượt quá Hạn mức giao dịch tháng mà Doanh nghiệp đề nghị Ngân hàng cấp cho từng Chủ thẻ.
- Chủ thẻ chính:** Là Doanh nghiệp nêu tại phần mở đầu của Hợp đồng này. Chủ thẻ chính chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ các khoản chi tiêu và phí phát sinh và tất cả trách nhiệm liên quan đến sử dụng Thẻ của Người sử dụng thẻ chính và các Chủ thẻ phụ.
- Người sử dụng Thẻ chính:** Là Người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp.
- Chủ thẻ phụ:** Là cán bộ, nhân viên thuộc Doanh nghiệp được Doanh nghiệp cho phép sử dụng thẻ theo Hợp đồng này. Chủ thẻ phụ chịu trách nhiệm về việc sử dụng Thẻ với Doanh nghiệp.
- Chủ thẻ:** Bao gồm Chủ thẻ chính, Người sử dụng Thẻ chính và Chủ thẻ phụ.
- Thời hạn sử dụng Thẻ:** Là khoảng thời gian mà Thẻ có thể được sử dụng theo quy định của Ngân hàng.
- Hạn mức rút tiền mặt trong ngày:** Là tổng số tiền mặt tối đa mà Chủ thẻ được phép rút tại các ATM/POS trong một (01) ngày. Hạn mức rút tiền mặt trong ngày theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm.
- Hạn mức rút tiền mặt/lần:** Là tổng số tiền mặt tối đa mà Chủ thẻ được phép rút tại các ATM/POS trong một (01) lần. Hạn mức rút tiền mặt/lần thực hiện theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm.

- Hạn mức giao dịch tối đa/ 1 ngày:** Là tổng số tiền tối đa mà Chủ thẻ được phép giao dịch (bao gồm cả giao dịch thanh toán mua hàng hóa và dịch vụ tại các ĐVCNT, trên Internet và rút tiền mặt tại các ATM/POS) trong một (01) ngày. Hạn mức giao dịch tối đa/1 ngày thực hiện theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm.
- Hạn mức giao dịch tháng:** Là Hạn mức giao dịch tối đa trong một tháng (bao gồm cả giao dịch thanh toán mua hàng hóa và dịch vụ tại các ĐVCNT, trên Internet và rút tiền mặt tại các ATM/POS) do Doanh nghiệp đề nghị Ngân hàng cấp cho Người sử dụng Thẻ chính và Chủ thẻ phụ. Người sử dụng Thẻ chính và Chủ thẻ phụ chỉ được phép thực hiện giao dịch trong phạm vi Hạn mức giao dịch tháng đã được Doanh nghiệp đăng ký.
- VND:** Là đồng tiền hợp pháp của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- Tổ chức thẻ quốc tế/TCTQT:** Là Tổ chức thẻ quốc tế Mastercard.
- ĐVCNT:** Là tổ chức/cá nhân cung ứng hàng hóa, dịch vụ chấp nhận Thẻ làm phương tiện thanh toán.
- Ngày làm việc:** Có nghĩa là bất kỳ ngày nào, trừ ngày Thứ Bảy, Chủ Nhật và ngày nghỉ lễ theo quy định của Ngân hàng.

Điều 2. Thời hạn sử dụng Thẻ

- Thời hạn sử dụng Thẻ là 05 (năm) năm kể từ ngày phát hành. Thời hạn sử dụng Thẻ cụ thể được dập nổi trên mặt trước của Thẻ. Hết thời hạn sử dụng Thẻ, nếu còn nhu cầu sử dụng, Doanh nghiệp thực hiện thủ tục gia hạn Thẻ theo quy định của Ngân hàng để Ngân hàng xem xét.
- Chủ thẻ không được sử dụng Thẻ đã hết hạn hay Thẻ cũ (đã được phát hành Thẻ thay thế). Doanh nghiệp phải trả lại ngay lập tức thẻ cũ cho Ngân hàng khi Thẻ thay thế đã được phát hành.

Điều 3. Các loại phí, mức phí sử dụng Thẻ

Các loại phí và mức phí, thời hạn và phương thức thanh toán phí liên quan đến việc sử dụng Thẻ được áp dụng theo quy định của Ngân hàng tại từng thời kỳ và được thông báo trên trang thông tin điện tử (www.vpb.com.vn) hoặc bằng các hình thức khác mà Ngân hàng cho là phù hợp (bao gồm nhưng không giới hạn việc gửi tin nhắn SMS, qua email...).

Điều 4. Phát hành lại Thẻ, từ chối chấp nhận Thẻ và thu hồi Thẻ

- Phát hành lại Thẻ:** Trường hợp Thẻ bị mất/bị đánh cắp, Thẻ hết hạn sử dụng, thay đổi hạng Thẻ hoặc yêu cầu phát hành Thẻ mới thay thế thẻ cũ, thẻ hỏng, Doanh nghiệp có quyền đề nghị Ngân hàng phát hành lại Thẻ.
- Từ chối chấp nhận Thẻ:** Thẻ sẽ bị từ chối thanh toán khi:
 - Thẻ bị liệt kê trong danh sách Thẻ đen.
 - Thẻ đã hết Thời hạn sử dụng Thẻ.
 - Thẻ giả hoặc Thẻ có liên quan đến giao dịch giả mạo.
 - Số dư tài khoản tiền gửi thanh toán liên kết với Thẻ không đủ chi trả khoản thanh toán.
 - Thẻ đã được Chủ thẻ thông báo mất và Ngân hàng đã xác nhận việc nhận được thông báo này.
 - Chủ thẻ vi phạm Hợp đồng này và các quy định của Ngân hàng về việc sử dụng Thẻ.
 - Chủ thẻ vi phạm quy định thanh toán Thẻ của TCTQT và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
 - Các trường hợp khác theo quy định của VPBank, TCTQT và của Pháp luật.
- Thu hồi Thẻ:** Thẻ sẽ bị thu hồi trong các trường hợp sau:
 - Thẻ nằm trong danh sách thẻ đen, thẻ giả, thẻ hết Thời hạn sử dụng Thẻ.
 - Các trường hợp khác theo yêu cầu của VPBank, của TCTQT và của Pháp luật. Ngân hàng được miễn trách đối với bất kỳ sự phương hại nào tới danh dự, uy tín của Chủ thẻ trong việc yêu cầu thu hồi lại Thẻ.

Điều 5. Tạm ngừng, chấm dứt sử dụng Thẻ

1. Tạm ngừng sử dụng Thẻ

Ngân hàng có quyền tạm thời khóa Thẻ của Doanh nghiệp trong các trường hợp sau:

- Chủ thẻ vi phạm các điều khoản thỏa thuận theo Hợp đồng này, các quy định của TCTQT và của pháp luật liên quan đến việc sử dụng Thẻ.

- b. Thẻ, Chủ thẻ có liên quan đến những trường hợp giả mạo.
- c. Doanh nghiệp có yêu cầu ngừng sử dụng Thẻ.
- d. Trường hợp khác theo quy định của Ngân hàng.

2. Chấm dứt việc sử dụng Thẻ

- a. Ngân hàng có quyền chấm dứt việc sử dụng Thẻ khi:
 - Chủ thẻ vi phạm quy định về sử dụng thẻ của Ngân hàng, của TCTQT hoặc vi phạm quy định pháp luật về sử dụng Thẻ.
 - Chủ thẻ vi phạm các điều khoản áp dụng cho các khoản cấp tín dụng khác tại Ngân hàng.
 - Ngân hàng phát hiện các tài liệu, thông tin do Chủ thẻ cung cấp là không chính xác, không trung thực và sai sự thật.
 - Các trường hợp liên quan đến giao dịch giả mạo và quản lý rủi ro.
 - Theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc TCTQT.
 - Các trường hợp Ngân hàng thấy cần thiết.
 - Theo yêu cầu của Doanh nghiệp.
 - Doanh nghiệp không phát sinh giao dịch Thẻ nào trong khoảng thời gian liên tục từ 12 tháng trở lên.
 - Các trường hợp khác theo quy định của Ngân hàng và pháp luật.

- b. Doanh nghiệp có thể yêu cầu VPBank chấm dứt việc sử dụng Thẻ khi:
 - Thẻ chưa hết Thời hạn sử dụng Thẻ nhưng Doanh nghiệp không có nhu cầu sử dụng Thẻ. Việc yêu cầu chấm dứt sử dụng Thẻ phải được thông báo cho Ngân hàng bằng văn bản theo mẫu quy định từng thời kỳ. Đề nghị chấm dứt sử dụng thẻ của Doanh nghiệp chỉ được Ngân hàng chấp thuận sau khi Doanh nghiệp hoàn thành tất cả các nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng.
 - Doanh nghiệp có nhu cầu thay đổi Người sử dụng Thẻ chính/Chủ thẻ phụ.
 - Thẻ hết thời hạn hiệu lực mà Doanh nghiệp không có yêu cầu gia hạn Thẻ.
 - Thẻ bị mất cắp, thất lạc và Doanh nghiệp không có nhu cầu tiếp tục sử dụng thẻ.

Việc chấm dứt sử dụng Thẻ của Doanh nghiệp chỉ có hiệu lực khi được Ngân hàng chấp thuận và Doanh nghiệp/Chủ thẻ đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm với Ngân hàng như sau:

- Khi chấm dứt việc sử dụng Thẻ, Doanh nghiệp phải thanh toán toàn bộ nghĩa vụ tài chính phát sinh do việc sử dụng Thẻ.
- Doanh nghiệp gửi trả lại Thẻ đã cất giữ cho Ngân hàng.

- 3. Việc tạm ngừng hoặc chấm dứt sử dụng thẻ của Doanh nghiệp không làm ảnh hưởng đến nghĩa vụ của Doanh nghiệp trước và sau khi thẻ bị tạm ngừng hoặc chấm dứt. Ngân hàng được miễn trách đối với bất kỳ sự phung phí nào tới danh dự, uy tín của Chủ thẻ trong việc yêu cầu tạm ngừng/chấm dứt sử dụng Thẻ.

Điều 6. Thẻ chính và thẻ phụ

- 1. Chủ thẻ chính có quyền yêu cầu phát hành thêm tối đa một (01) Thẻ phụ cho người được mình ủy quyền sử dụng. Chủ thẻ chính và Chủ thẻ phụ cùng sử dụng chung một tài khoản mà Ngân hàng cấp cho Chủ thẻ chính.
- 2. Chủ thẻ chính có thể xem được toàn bộ các giao dịch Thẻ thực hiện bởi Người sử dụng Thẻ chính và Chủ thẻ phụ. Tuy nhiên, Chủ thẻ phụ chỉ có thể xem được giao dịch Thẻ mà Chủ thẻ phụ thực hiện.
- 3. Chủ thẻ chính là người chịu trách nhiệm về các giao dịch thực hiện bằng Thẻ của Thẻ chính và thẻ phụ.
- 4. Chủ thẻ chính có quyền yêu cầu Ngân hàng ngừng việc sử dụng Thẻ phụ bằng văn bản mà không cần sự đồng ý của Chủ thẻ phụ. Khi Chủ thẻ chính tạm ngừng hoặc chấm dứt sử dụng Thẻ thì đương nhiên Chủ thẻ phụ cũng sẽ ngừng hoặc chấm dứt sử dụng Thẻ. Tuy nhiên việc tạm ngừng hoặc chấm dứt thẻ phụ thì không làm ảnh hưởng gì đến Thẻ chính.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Doanh nghiệp

1. Quyền của Doanh nghiệp

- a. Người sử dụng Thẻ chính/Chủ thẻ phụ của Doanh nghiệp được sử dụng Thẻ để thanh toán mua hàng hóa và dịch vụ tại các ĐVCNT, trên Internet và/hoặc rút tiền mặt tại các ATM/POS của Ngân hàng và các ATM/POS có biểu tượng của

TCTQT và các dịch vụ khác do Ngân hàng cung cấp (nếu có) trong phạm vi số dư tài khoản tiền gửi thanh toán VND liên kết với Thẻ của Doanh nghiệp (sau khi đã trừ đi số dư tối thiểu phải duy trì trên tài khoản theo quy định của Ngân hàng) và không vượt quá Hạn mức rút tiền mặt/lần; Hạn mức rút tiền mặt trong ngày; Hạn mức giao dịch tối đa/1 ngày theo quy định của Ngân hàng và Hạn mức giao dịch tháng mà Doanh nghiệp đề nghị Ngân hàng cấp cho từng Chủ thẻ.

- b. Được tham gia và hưởng các chương trình ưu đãi dành cho chủ thẻ của Ngân hàng và/hoặc các đối tác của Ngân hàng theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- c. Đề nghị Ngân hàng phát hành lại Thẻ, tạm ngừng/chấm dứt sử dụng Thẻ, gia hạn Thẻ; Yêu cầu cấp lại PIN, thay đổi Hạn mức giao dịch tháng theo quy định của Hợp đồng này và quy định của Ngân hàng.
- d. Yêu cầu tra soát, khiếu nại các giao dịch Thẻ của Chủ thẻ. Các trường hợp tra soát, phương thức, chứng từ, thời gian gửi yêu cầu tra soát và các vấn đề liên quan khác theo quy định của Ngân hàng, của các TCTQT và của pháp luật tại từng thời điểm.
- e. Được hưởng lãi không kỳ hạn trên số dư tài khoản tiền gửi thanh toán liên kết với Thẻ theo quy định của Ngân hàng.
- f. Được Ngân hàng cung cấp thông tin về giao dịch thẻ và số dư, hạn mức liên quan đến việc sử dụng thẻ theo quy định của Ngân hàng.
- g. Thẻ ghi nợ và tài khoản thanh toán liên kết với Thẻ của Doanh nghiệp có thể tích hợp thêm tính năng thấu chi trong trường hợp Doanh nghiệp có đăng ký và đáp ứng đủ điều kiện để được cấp hạn mức thấu chi theo quy định của Ngân hàng.
- h. Các quyền khác theo quy định của Hợp đồng này, của Ngân hàng và của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của Doanh nghiệp/Chủ thẻ

- a. Chủ thẻ có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ và chính xác các hồ sơ, giấy tờ và thông tin cần thiết theo yêu cầu của Ngân hàng khi phát hành Thẻ và trong quá trình sử dụng Thẻ.
- b. Doanh nghiệp có nghĩa vụ thông báo ngay cho Ngân hàng bằng văn bản những thay đổi về các thông tin đã đăng ký với Ngân hàng. Trường hợp không thông báo, nếu có phát sinh rủi ro, tổn thất thì Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu mọi trách nhiệm về những sai sót hay hành vi lợi dụng, lừa đảo khi sử dụng dịch vụ do lỗi của mình hoặc do không cung cấp đúng, đầy đủ, chính xác, kịp thời sự thay đổi thông tin; cam kết chịu mọi rủi ro bao gồm cả thiệt hại về tài chính, chi phí phát sinh do thông tin cung cấp sai hoặc không thống nhất.
- c. Người sử dụng Thẻ chính được trực tiếp nhận Thẻ/PIN của thẻ chính và thẻ phụ. Trong trường hợp Người sử dụng Thẻ chính không trực tiếp đến Ngân hàng để nhận Thẻ/PIN, Doanh nghiệp có thể ủy quyền cho Cán bộ nhân viên khác của Doanh nghiệp trực tiếp đến Ngân hàng nhận Thẻ/PIN của Thẻ chính, Thẻ phụ hoặc theo phạm vi ủy quyền. Chủ thẻ phụ có thể trực tiếp đến Ngân hàng nhận Thẻ/PIN của Thẻ phụ. Người sử dụng Thẻ chính/ Chủ thẻ phụ/ Người được ủy quyền nhận Thẻ/PIN phải tuân thủ quy định, thủ tục của Ngân hàng khi nhận Thẻ/PIN. Doanh nghiệp cũng có thể đề nghị Ngân hàng gửi Thẻ/PIN bằng đường bưu điện. Trường hợp Doanh nghiệp đăng ký nhận Thẻ/PIN qua đường bưu điện, Ngân hàng sẽ gửi Thẻ/PIN bằng chuyển phát nhanh cho người nhận và theo địa chỉ được chỉ định trong Giấy đề nghị phát hành Thẻ ghi nợ Quốc tế và Doanh nghiệp phải chịu mọi rủi ro, chi phí có thể phát sinh. Doanh nghiệp cam kết không có bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện gì đối với Ngân hàng trong trường hợp Ngân hàng đã giao Thẻ/PIN cho Doanh nghiệp theo một trong các cách thức nêu trên.
- d. Người sử dụng Thẻ chính và Chủ thẻ phụ có nghĩa vụ ký chữ ký mẫu bằng bút bi vào ô chữ ký ở mặt sau của Thẻ ngay sau khi nhận Thẻ. Khi thực hiện giao dịch, Chủ thẻ phải ký hóa đơn/chứng từ thanh toán giống chữ ký mẫu này trừ những giao dịch không yêu cầu chữ ký của Chủ thẻ.
- e. Doanh nghiệp có nghĩa vụ mở tài khoản tiền gửi thanh toán (không kỳ hạn) tại Ngân hàng và duy trì số dư tối thiểu trên tài khoản theo quy định của Ngân hàng tùy từng thời điểm.
- f. Doanh nghiệp nhận thức đầy đủ và cam kết chịu rủi ro trong trường hợp các giao dịch thanh toán của Chủ thẻ bị các tổ chức nước ngoài hoặc bất kỳ quốc gia nào tịch thu, niêm phong hoặc tạm dừng thực hiện giao dịch (do liên quan đến các yếu tố cấm vận, tội phạm, khủng bố, tài trợ khủng bố, rửa tiền, đối tượng bị áp dụng lệnh tòa án, cơ quan tại nước ngoài hoặc các lý do khác).
- g. Chủ thẻ chịu trách nhiệm quản lý Thẻ và bảo mật các thông tin liên quan đến Thẻ của mình, đặc biệt là PIN. Không được chuyển nhượng Thẻ cho người khác.
- h. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm thanh toán đối với tất cả các giao dịch Thẻ phát sinh (bao gồm cả giao dịch có hoặc không có chữ ký, mã PIN hoặc có chữ ký khác với chữ ký của Chủ thẻ tại mặt sau Thẻ) nếu Ngân hàng cung cấp được bằng chứng về việc Thẻ của Chủ thẻ đã được sử dụng để thực hiện giao dịch.

- i. Chủ thẻ không được phép sử dụng Thẻ cho bất kỳ giao dịch hay mục đích bất hợp pháp nào. Chịu trách nhiệm với Ngân hàng và pháp luật về các hành vi gian lận, giả mạo thẻ của chủ thẻ và các giao dịch thẻ liên quan đến gian lận, giả mạo.
- j. Chủ thẻ chịu trách nhiệm giải quyết các tranh chấp với ĐVCNT về các vấn đề liên quan đến Giao dịch thẻ.
- k. Chủ thẻ có nghĩa vụ hoàn trả ngay lập tức và vô điều kiện cho Ngân hàng đối với các khoản mà Chủ thẻ rút thừa, rút/thanh toán quá Hạn mức giao dịch tháng của Chủ Thẻ, giao dịch ghi Có nhằm vào Tài khoản của Doanh nghiệp và các giao dịch nhằm lẫn khác mà Chủ thẻ không chứng minh được quyền sở hữu hợp pháp, đồng ý để Ngân hàng tự động ghi Nợ các khoản tiền này mà không cần phải thông báo cho Doanh nghiệp.
- l. Khi thẻ bị mất cắp, thất lạc hoặc PIN bị lộ, Chủ thẻ phải báo ngay cho Ngân hàng theo số ĐT (+844) 39 288 880 / 1900 545 415 hoặc chi nhánh gần nhất và ngay sau đó chính thức xác nhận thông báo này bằng văn bản cho NH. Trường hợp Thẻ bị lợi dụng do việc mất cắp, thất lạc, lộ PIN, các gian lận/giả mạo khác trước khi NH có xác nhận bằng văn bản hoặc bằng thông điệp dữ liệu có giá trị pháp lý về việc Ngân hàng đã xử lý văn bản thông báo mất thẻ từ Chủ thẻ, Chủ thẻ phải hoàn toàn chịu thiệt hại và bồi thường thiệt hại đối với tất cả các giao dịch của Thẻ do việc Thẻ bị lợi dụng gây ra.
- m. Chủ thẻ không được sử dụng thẻ đã thông báo mất, thất lạc và Chủ thẻ phải trả lại cho Ngân hàng Thẻ bị mất, thất lạc khi tìm lại được.
- n. Khi có nhu cầu mở lại Thẻ tạm thời bị khóa, Doanh nghiệp sẽ gọi điện đến Ngân hàng theo số 04.39388880 hoặc 1900545415 để Ngân hàng hỗ trợ mở khóa Thẻ cho Doanh nghiệp theo quy định hiện hành của Ngân hàng.
- o. Doanh nghiệp có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho NH các khoản phí phát sinh từ việc sử dụng Thẻ.
- p. Chủ thẻ có nghĩa vụ đăng ký chữ ký mẫu sử dụng trên các chứng từ giao dịch liên quan đến Thẻ được thực hiện trực tiếp tại Trụ sở Ngân hàng (Trụ sở NH được hiểu là Hội sở chính, Sở giao dịch, các Chi nhánh, Phòng Giao dịch của Ngân hàng).
- q. Chủ thẻ có các nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng này, văn bản thỏa thuận khác ký giữa Doanh nghiệp và Ngân hàng, của TCTQT và các quy định liên quan của pháp luật và của Ngân hàng.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng

1. Quyền của Ngân hàng

- a. Được miễn trách trong trường hợp hệ thống xử lý, hệ thống truyền tin bị lỗi hoặc vì bất cứ lý do ngoài khả năng kiểm soát của Ngân hàng gây nên khiến cho Thẻ hoặc mã PIN của Chủ thẻ không thực hiện được giao dịch, bị tổn thất hoặc bất kỳ sự lợi dụng nào; hoặc các trường hợp Ngân hàng không gửi hoặc đã gửi nhưng Chủ thẻ không nhận được các tin nhắn, thông báo liên quan tới biến động số dư tài khoản Thẻ hoặc thông báo về các nội dung khác liên quan đến tài khoản của Doanh nghiệp do lỗi hệ thống, lỗi đường truyền, các lỗi kỹ thuật, sự cố của nhà cung cấp dịch vụ/của Ngân hàng hoặc vì bất kỳ lý do khách quan nào khác; các trường hợp khác do lỗi của Chủ thẻ gây ra.
- b. Được miễn trách đối với: (i) mọi thất lạc, mất cắp, sử dụng đúng hoặc sai mục đích của Thẻ hoặc mã PIN của Chủ thẻ bị lộ do Chủ thẻ không bảo quản được Thẻ/PIN của mình (ii) Mọi gian lận và hoặc giả mạo gây ra cho Ngân hàng hoặc bất kỳ Đơn vị chấp nhận thẻ nào.
- c. Không chịu trách nhiệm về việc giao hàng, chất lượng hàng hóa, dịch vụ được thanh toán bằng Thẻ. Ngân hàng không tham gia giải quyết các tranh chấp giữa Chủ thẻ và Đơn vị chấp nhận thẻ và được quyền ghi nợ vào tài khoản Thẻ giá trị hàng hóa, dịch vụ cho dù hàng hóa, dịch vụ có được giao hoặc được thực hiện hay không.
- d. Ngân hàng có thể thu thập và xác minh bất cứ thông tin nào liên quan đến Chủ thẻ từ bất cứ đơn vị nào mà Ngân hàng cảm thấy phù hợp (bao gồm nhưng không giới hạn các tổ chức tín dụng nào hoặc bất cứ tổ chức hay công ty nào khác được thành lập với mục đích đánh giá thứ hạng tín dụng cho các cá nhân, từ các nhân viên của Doanh nghiệp hoặc những nhân viên khác có liên quan và/hoặc Ngân hàng hay tổ chức tín dụng tại Việt Nam hoặc bất cứ nơi nào khác.
- e. Cung cấp cho các bên có thẩm quyền thông tin về Chủ thẻ, tài khoản giao dịch phục vụ cho việc tra soát, khiếu nại các giao dịch Thẻ theo quy định của pháp luật.
- f. Chấm dứt việc sử dụng thẻ của Chủ thẻ bằng việc hủy hoặc thu hồi Thẻ nếu chủ thẻ vi phạm các điều kiện và điều khoản sử dụng Thẻ, sử dụng Thẻ giả mạo và/hoặc Thẻ bị nghi ngờ là giả mạo.
- g. Được miễn trách trong trường hợp khiếu nại, yêu cầu tra soát của Chủ thẻ không được Ngân hàng thanh toán/các tổ chức thẻ trong nước/quốc tế giải quyết theo quy định của các tổ chức này.

- h. Có quyền sử dụng các thông tin về Chủ thẻ và các khoản tín dụng của Doanh nghiệp, bao gồm cả các thông tin từ các văn bản, các tài liệu do Doanh nghiệp cung cấp; các hợp đồng, văn bản ký giữa Doanh nghiệp và Ngân hàng để cung cấp cho các đơn vị có chức năng cung cấp dịch vụ thông tin tin dụng và/hoặc đánh giá tín nhiệm hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, hoặc cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật.
- i. Được chủ động trích tài khoản của Doanh nghiệp trong các trường hợp sau: (i) Thanh toán các khoản nợ đến hạn, quá hạn, các khoản lãi, phí của Doanh nghiệp; các chi phí hợp lệ khác phát sinh trong quá trình sử dụng Thẻ (ii) Bù trừ các nghĩa vụ của Doanh nghiệp tại Ngân hàng và xử lý các trường hợp khác theo thỏa thuận giữa Doanh nghiệp và Ngân hàng.
- j. Có quyền thông báo về các sản phẩm, dịch vụ, chương trình khuyến mãi của Ngân hàng và cảnh báo các rủi ro liên quan đến việc sử dụng Thẻ của Chủ thẻ và các thông báo khác liên quan tới Chủ thẻ theo các cách thức mà Ngân hàng cho là phù hợp (bao gồm nhưng không giới hạn việc gửi tin nhắn, email...).
- k. NH có các quyền khác theo Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng.

2. Nghĩa vụ của Ngân hàng

- a. Tuân thủ các quy định về phát hành và thanh toán thẻ ghi nợ quốc tế.
- b. Tôn trọng và lợi ích của Chủ thẻ theo Hợp đồng này.
- c. Bảo mật các thông tin liên quan đến Chủ thẻ trừ các trường hợp pháp luật có quy định khác.
- d. Giải quyết các yêu cầu tra soát, khiếu nại của Chủ thẻ liên quan đến việc sử dụng thẻ theo quy định của các Tổ chức thẻ quốc tế.
- e. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Quy định của Ngân hàng và các điều khoản sửa đổi, bổ sung

- 1. Ngân hàng thông báo cho Doanh nghiệp thông tin về các đặc điểm, tính năng của Thẻ và các quy định về sản phẩm, chương trình liên quan tới Thẻ áp dụng đối với Doanh nghiệp và các sửa đổi, bổ sung liên quan tới Hợp đồng này (nếu có) bằng nhưng không giới hạn bởi một trong các hình thức sau: bằng văn bản, qua email, SMS hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc trang thông tin điện tử chính thức của Ngân hàng (website: www.vpb.com.vn).
- 2. Trong trường hợp Ngân hàng áp dụng chương trình, sản phẩm liên quan tới Thẻ đối với Doanh nghiệp, Doanh nghiệp có trách nhiệm đọc, hiểu rõ thông tin về các đặc điểm, tính năng của Thẻ và các quy định về sản phẩm, chương trình có liên quan tới áp dụng đối với Doanh nghiệp.
- 3. Bằng việc ký vào Hợp đồng này, Doanh nghiệp cam kết tuân thủ và chịu sự ràng buộc bởi các quy định của Ngân hàng về phát hành và sử dụng Thẻ và các chương trình, sản phẩm có liên quan mà Ngân hàng áp dụng cho Khách hàng. Đối với các sửa đổi, bổ sung, Doanh nghiệp được coi là chấp thuận toàn bộ những nội dung sửa đổi theo thông báo của Ngân hàng nếu Doanh nghiệp tiếp tục sử dụng Thẻ sau thời điểm Ngân hàng thông báo.

Điều 10. Gia hạn và chấm dứt Hợp đồng

1. Gia hạn Hợp đồng:

Trường hợp có nhu cầu tiếp tục sử dụng Thẻ ghi nợ quốc tế, Doanh nghiệp phải gửi Giấy đề nghị gia hạn hợp đồng theo Ngân hàng yêu cầu cho Ngân hàng trong thời hạn 30 ngày làm việc trước ngày hết hạn Thời hạn sử dụng Thẻ.

2. Chấm dứt hợp đồng:

a. Các trường hợp chấm dứt Hợp đồng:

- Các Bên đơn phương chấm dứt Hợp đồng: mỗi Bên có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước hạn với điều kiện phải thông báo cho bên kia bằng văn bản trước 30 Ngày làm việc. Trong trường hợp Doanh nghiệp vi phạm các điều kiện, điều khoản Hợp đồng, hoặc có các hành vi gian lận, giả mạo liên quan đến việc sử dụng Thẻ, Ngân hàng có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng mà không cần thông báo trước cho Doanh nghiệp.
- Chấm dứt hợp đồng theo thỏa thuận của hai Bên
- Các trường hợp chấm dứt sử dụng Thẻ theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Hợp đồng này.
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

b. Trách nhiệm thanh toán khi chấm dứt Hợp đồng:

Trong trường hợp chấm dứt hợp đồng, Doanh nghiệp có trách nhiệm thanh toán toàn bộ các khoản nợ còn lại và các nghĩa vụ tài chính khác cho Ngân hàng.

Điều 11: Thông báo, Luật điều chỉnh, giải quyết tranh chấp

1. Các thông báo liên quan đến việc sử dụng Thẻ của Chủ thẻ sẽ được Ngân hàng gửi đến cho Doanh nghiệp theo quy định của Ngân hàng. Ngân hàng có quyền nhưng không có nghĩa vụ gửi các thông báo này tới Chủ thẻ phụ, Người sử dụng Thẻ chính.
2. Hợp đồng này được thiết lập và điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam và các quy định của TCTQT không trái với quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan. Những nội dung nào chưa được quy định trong Hợp đồng này sẽ thực hiện theo các quy định của pháp luật có liên quan.
3. Hai Bên xác nhận đã đọc, hiểu rõ và hoàn toàn nhất trí với nội dung Hợp đồng, đồng thời cam kết nghiêm chỉnh thực hiện các điều kiện, điều khoản đã ký. Các tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này, nếu không xử lý được bằng thương lượng, các Bên có quyền xử lý theo đúng các điều khoản đã thỏa thuận tại Hợp đồng này hoặc có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) khởi kiện ra Tòa án nhân dân nơi thực hiện Hợp đồng này để giải quyết. Các Bên thống nhất rằng nơi thực hiện Hợp đồng này (nơi ký kết Hợp đồng, giải ngân tiền vay...) là nơi có địa điểm của Ngân hàng nêu tại phần đầu của Hợp đồng. Trường hợp Ngân hàng khởi kiện Doanh nghiệp, các Bên thống nhất rằng địa chỉ của Doanh nghiệp là địa chỉ ghi tại phần đầu của Hợp đồng này. Nếu Doanh nghiệp thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho Ngân hàng bằng văn bản, thì được hiểu là Doanh nghiệp cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ và Ngân hàng có quyền yêu cầu Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Doanh nghiệp chấp nhận việc Tòa án xét xử vắng mặt Doanh nghiệp, kể cả trường hợp không lấy được lời khai của Doanh nghiệp.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Hợp đồng này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký cho đến khi Các Bên đã thực hiện xong toàn bộ quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng này và các văn bản liên quan.
2. Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 (một) bản. Giấy đề nghị phát hành thẻ ghi nợ quốc tế; và các thỏa thuận khác giữa Các Bên tạo thành một phần không tách rời của Hợp đồng.
3. Các Bên xác nhận rằng việc giao kết Hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không giả tạo, không bị ép buộc, lừa dối, đe dọa, nhằm lẫn. Từng bên một đã đọc lại, hiểu rõ, nhất trí và cùng ký tên dưới đây.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA DOANH NGHIỆP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGÂN HÀNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)